

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 392/2020/DS-PT

Ngày: 19-5-2020

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Trung

Các Thẩm phán: 1/ Ông Nguyễn Minh Hiếu

2/ Bà Phan Thụy Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Ông Lê Trọng Long – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 19 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 25/2020/TLPT-DS ngày 06/01/2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do bản án sơ thẩm số: 478/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2170/2020/QĐ-PT ngày 29/04/2020, giữa:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị A, sinh năm 1946

Địa chỉ: Số 327/50-51 đường T, Phường 4, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Huỳnh Minh C, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 162/13/4 khu phố 6, phường T, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền ngày 11/7/2019).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Tập đoàn D

Địa chỉ: Số 64-68 đường H, phường E, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Quang T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Xã T, huyện B, tỉnh D (văn bản ủy quyền số 79/2019/GUQ-CTHĐQT ngày 02/8/2019)

Do có kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/7/2019 và các lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh C trình bày:

Bà A có cho bị đơn là Công ty Cổ phần Tập đoàn D vay tiền theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 00931/2012/HĐVT ngày 25/6/2012; Phụ lục hợp đồng số 0931/2012/PLHĐVT/Lần03 ngày 26/11/2015 cho vay 505.000.000 đồng, lãi suất từ ngày 25/9/2015 là 0,6667%/tháng, thời hạn hợp đồng đến ngày 25/9/2017. Bị đơn đã trả tiền lãi đến tháng 12/2015, chưa trả nợ gốc. Bị đơn còn nợ lãi trong hạn từ tháng 01/2016 đến tháng 9/2017 là 505.000.000 đồng x 21 tháng x 0,6667%/tháng = 70.703.535 đồng và nợ lãi quá hạn từ tháng 10/2017 đến ngày 21/11/2019 là 505.000.000 đồng x 24 tháng 21 ngày x 0,6667%/tháng x 150% = 124.741.237 đồng.

- Hợp đồng vay tiền số 0018/2014/HĐVT ngày 12/3/2014; Phụ lục hợp đồng số 0018/2014/PLHĐVT/Lần 02 ngày 26/11/2015 cho vay 1.584.00.000 đồng, lãi suất từ ngày 12/9/2015 là 0,6667%/tháng, thời hạn hợp đồng đến ngày 12/9/2017. Bị đơn đã trả tiền lãi đến tháng 01/2017, chưa trả nợ gốc. Bị đơn còn nợ lãi trong hạn từ tháng 02/2017 đến tháng 9/2017 là 1.584.00.000 đồng x 08 tháng x 0,6667%/tháng = 84.484.224 đồng và nợ lãi quá hạn từ tháng 10/2017 đến ngày 21/11/2019 là 1.584.00.000 đồng x 24 tháng 21 ngày x 0,6667%/tháng x 150% = 391.267.562 đồng.

- Hợp đồng vay tiền số 0019/2014/HĐVT ngày 12/3/2014; Phụ lục hợp đồng số 0019/2014/PLHĐVT/Lần 1 ngày 16/12/2014 cho vay 399.000.000 đồng, lãi suất từ ngày 12/9/2014 là 0,6667%/tháng, thời hạn hợp đồng đến ngày 12/9/2015. Từ tháng 12/2016 đến tháng 5/2019, bị đơn đã trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn đã trả đến tháng 9/2016 và 279.000.000 đồng nợ gốc theo 08 đợt, còn nợ lại 120.000.000 đồng nợ gốc đến nay chưa trả. Bị đơn còn nợ lãi quá hạn là 97.629.582 đồng, cụ thể: Từ tháng 10/2016 đến tháng 12/2016 là 399.000.000 đồng x 02 tháng x 0,75%/tháng = 5.985.000 đồng; Từ tháng 01/2017 đến tháng 7/2017 là 360.000.000 đồng x 07 tháng x 0,6667%/tháng x 150% = 25.201.260 đồng; Từ tháng 8/2017 đến tháng 01/2018 là 330.000.000 đồng x 06 tháng x 0,6667%/tháng x 150% = 19.800.990 đồng; Từ tháng 02/2018 đến tháng 7/2018 là 300.000.000 đồng x 06 tháng x 0,6667%/tháng x 150% = 18.000.900 đồng; Từ tháng 8/2018 đến tháng 12/2018 là 270.000.000 đồng x 05 tháng x 0,6667%/tháng x 150% = 13.500.675 đồng; Từ tháng 01/2019 là 220.000.000 đồng x 01 tháng x 0,6667%/tháng x 150% = 2.200.110 đồng; Tháng 02/2019 là

$190.000.000 \text{ đồng} \times 01 \text{ tháng} \times 0,6667\%/\text{tháng} \times 150\% = 1.900.095 \text{ đồng}$; Từ tháng 3/2019 đến tháng 4/2019 là $150.000.000 \text{ đồng} \times 02 \text{ tháng} \times 0,6667\%/\text{tháng} \times 150\% = 3.000.150 \text{ đồng}$; Từ tháng 5/2019 đến ngày 21/11/2019 là $120.000.000 \text{ đồng} \times 06 \text{ tháng} \times 0,6667\%/\text{tháng} \times 150\% = 8.040.402 \text{ đồng}$.

Bà A yêu cầu bị đơn trả các khoản nợ tính đến ngày 21/11/2019, gồm:

- 505.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng số 00931/2012/HĐVT ngày 25/6/2012; 70.703.535 đồng nợ lãi trong hạn và 124.741.237 đồng nợ lãi quá hạn.

- 1.584.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền số 0018/2014/HĐVT ngày 12/3/2014; 84.484.224 đồng nợ lãi trong hạn và 391.267.562 đồng nợ lãi quá hạn.

- 120.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền số 0019/2014/HĐVT ngày 12/3/2014 và 97.629.582 đồng nợ lãi quá hạn.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Quang Tứ trình bày: Bị đơn đã trả tiền lãi đến tháng 9/2016 của Hợp đồng vay tiền số 0019/2014/HĐVT ngày 12/3/2014. Bị đơn xác nhận còn nợ nguyên đơn 505.000.000 đồng nợ gốc và 70.703.535 đồng nợ lãi trong hạn theo Hợp đồng số 00931/2012/HĐVT ngày 25/6/2012; 1.584.000.000 đồng nợ gốc và 84.484.224 đồng nợ lãi trong hạn theo Hợp đồng vay tiền số 0018/2014/HĐVT ngày 12/3/2014; 120.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền số 0019/2019/HĐVT ngày 12/3/2014. Bị đơn đề nghị thanh toán mỗi tháng 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng chẵn) cho đến khi thanh toán hết nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày trên.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 478/2019/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị A.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị A các khoản tiền còn nợ tính đến ngày 21/11/2019, gồm:

- 505.000.000 đồng nợ gốc; 70.703.535 đồng nợ lãi trong hạn và 124.741.237 đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng số 00931/2012/HĐVT ngày 25/6/2012.

- 1.584.000.000 đồng nợ gốc; 84.484.224 đồng nợ lãi trong hạn và 391.267.562 đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng vay tiền số 0018/2014/HĐVT ngày 12/3/2014.

- 120.000.000 đồng nợ gốc và 97.629.582 đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng vay tiền số 0019/2014/HĐVT ngày 12/3/2014.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên tiền lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ, người chịu án phí sơ thẩm, quyền thỏa thuận thi hành án... và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 04/12/2019, Công ty Cổ phần Tập đoàn D kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Huỳnh Minh C đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Quang Tứ đề nghị Tòa án chấp thuận cho bị đơn được trả cho nguyên đơn mỗi tháng 300.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết nợ, đồng thời sửa án sơ thẩm bớt phần tiền lãi quá hạn trong các hợp đồng trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về vụ án.

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm đã tuân thủ đúng theo trình tự thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng Dân sự quy định về địa vị tố tụng, người tham gia tố tụng và các quyền, lợi ích hợp pháp khác của các đương sự cho đến thời điểm kết thúc tranh luận.

Về nội dung, đề nghị cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét kháng cáo của bị đơn không đồng ý với toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, Công ty Cổ phần Tập đoàn D đã thừa nhận còn nợ bà Đinh Thị A các khoản tiền gồm:

- 505.000.000 đồng nợ gốc và 70.703.535 đồng nợ lãi trong hạn theo Hợp đồng số 00931/2012/HĐVT ngày 25/6/2012;
- 1.584.000.000 đồng nợ gốc và 84.484.224 đồng nợ lãi trong hạn theo Hợp đồng vay tiền số 0018/2014/HĐVT ngày 12/3/2014;
- 120.000.000 đồng nợ gốc theo Hợp đồng vay tiền số 0019/2019/HĐVT ngày 12/3/2014.

Riêng tiền lãi phát sinh do quá hạn, phía Công ty Cổ phần Tập đoàn D không đồng ý trả. Xét thấy đây là hợp đồng vay tài sản, các bên đã thỏa thuận với nhau về các quyền và nghĩa vụ, quyền của bên Công ty D được đáp ứng đầy đủ,

nhưng không thực hiện nghĩa vụ của mình là trả nợ cho bà A. Việc kéo dài thời gian trả nợ và trả dần hàng tháng làm ảnh hưởng đến đời sống kinh tế của bà A.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn vẫn giữ nguyên đề nghị được trả mỗi tháng 300.000.000 đồng cho đến khi thanh toán hết các khoản nợ. Tuy nhiên, nguyên đơn không đồng ý với hình thức thanh toán này do việc kéo dài thời gian trả nợ sẽ gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Vì vậy, cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp nên được chấp nhận.

Về án phí:

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 487/DS-ST ngày 21/11/2019 của Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, có ghi về phần án phí dân sự sơ thẩm bà Đặng Thị A được miễn án phí dân sự sơ thẩm, xét thấy nhận định trên là chưa phù hợp; vì bà A là nguyên đơn trong vụ kiện nên không thể nộp tiền án phí DS-ST được. Do đó cần rút kinh nghiệm với phần nhận định trên.

Công ty Cổ phần Tập đoàn D phải nộp là: 91.556.516 đồng (chín mươi một triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm mười sáu đồng)

Việc thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Án phí dân sự phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn D chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào biên lai đã nộp số: 0005504 ngày 12/12/2019 của Cục thi hành án dân sự Thành Hồ Chí Minh

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Điều 471, khoản 1 Điều 474 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng: Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.
2. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Tập đoàn D.

3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị A.

Buộc Công ty Cổ phần Tập đoàn D có nghĩa vụ thanh toán cho bà Đặng Thị A các khoản tiền còn nợ tính đến ngày 21/11/2019, gồm:

- 505.000.000 đồng nợ gốc; 70.703.535 đồng nợ lãi trong hạn và 124.741.237 đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng số 00931/2012/HĐVT ngày 25/6/2012.

- 1.584.000.000 đồng nợ gốc; 84.484.224 đồng nợ lãi trong hạn và 391.267.562 đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng vay tiền số 0018/2014/HĐVT ngày 12/3/2014.

- 120.000.000 đồng nợ gốc và 97.629.582 đồng nợ lãi quá hạn theo Hợp đồng vay tiền số 0019/2014/HĐVT ngày 12/3/2014.

Kể từ ngày bà Đặng Thị A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần Tập đoàn D chưa trả số tiền nêu trên thì Công ty Cổ phần Tập đoàn D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng số 00931/2012/HĐVT ngày 25/6/2012; Phụ lục hợp đồng số 0931/2012/PLHĐVT/Lần 03 ngày 26/11/2015; Hợp đồng vay tiền số 0018/2014/HĐVT ngày 12/3/2014; Phụ lục hợp đồng số 0018/2014/PLHĐVT/Lần 02 ngày 26/11/2015; Hợp đồng vay tiền số 0019/2014/HĐVT ngày 12/3/2014; Phụ lục hợp đồng số 0019/2014/PLHĐVT/Lần 01 ngày 16/12/2014 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 91.556.516 đồng (chín mươi một triệu, năm trăm năm mươi sáu nghìn, năm trăm mười sáu đồng).

5. Về án phí phúc thẩm:

Công ty Cổ phần Tập đoàn D chịu 300.000 đồng và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà Công ty Cổ phần Tập đoàn D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005504 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1. Công ty Cổ phần Tập đoàn D đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

6. Thi hành án tại cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- TAND Quận 1, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 1, TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Trung

